

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **136** /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **19** tháng **01** năm 2026

GÓNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 6
	Ngày: 20/01/2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi
Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 232/TTr-BVHTTDL ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Tờ trình số 524/TTr-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn với nội dung sau:

I. PHẠM VI, QUY MÔ, MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch di tích

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch có tổng diện tích là 2.428,83 ha, bao gồm: Khu Di tích lịch sử Chi Lăng, gồm: 24 điểm di tích quốc gia đặc biệt, diện tích 284,23 ha và 22 điểm di tích quốc gia, diện tích 150,41 ha; Đền thờ Chi Lăng, diện tích 100 ha và vùng không gian cảnh quan kết nối các khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, diện tích 1.894,2 ha.

b) Quy mô, ranh giới lập quy hoạch:

Quy mô lập quy hoạch có tổng diện tích là 198,81 ha; trong đó: Khu vực bảo vệ I có tổng diện tích là 98,45 ha và Khu vực bảo vệ II có tổng diện tích là 100,36 ha; bao gồm toàn bộ phạm vi khoanh vùng khu vực bảo vệ của 24 điểm di tích thành phần thuộc Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng; được chia thành 05 cụm di tích, cụ thể:

+ Cụm 1, bao gồm các di tích: Thôn Ba Đàn, Luỹ Ngõ Thề, núi Ba Đăng, cầu Trạm (cầu Phù Kiêu), đền Quán Nàng, thành Kho và Vực Bơi.

+ Cụm 2, bao gồm các di tích: núi Mã Yên, bãi Đầm, cửa Dinh, núi Kỳ Lân, thành Bàu và Lân Giao.

+ Cụm 3, bao gồm các di tích: núi Ma Sắn và núi Phượng Hoàng.

+ Cụm 4, bao gồm các di tích: bãi Hào, đền Quý Môn, đầu Đông Quân, thành Trong, núi Mặt Quý, Luỹ Ai Chi Lăng và núi Quý.

+ Cụm 5, bao gồm các di tích: chùa Làng Trung và đôi Chôn Ruột.

- Ranh giới lập quy hoạch các cụm, điểm di tích chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Mục tiêu lập quy hoạch di tích

a) Nhận diện đầy đủ giá trị của quần thể các di tích thành phần thuộc Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng; giải quyết các vấn đề bất cập về dân cư, phát triển du lịch, hạ tầng kỹ thuật; hoàn thiện hệ thống hồ sơ, dữ liệu làm cơ sở chuyển đổi số và tự động hóa trong quản lý. Xác định chức năng,

chỉ tiêu sử dụng đất cho khu vực di tích, khu dân cư, khu vực bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Bảo tồn và phát huy các giá trị nổi bật của di tích, trở thành địa điểm giáo dục truyền thống yêu nước, nâng cao lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ người Việt Nam, là quần thể du lịch văn hóa - lịch sử hấp dẫn gắn với đặc trưng của vùng đất Chi Lăng, trọng điểm du lịch của tỉnh Lạng Sơn; góp phần tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội của khu vực, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân địa phương; đồng thời bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể và bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong khu vực di tích và phụ cận.

c) Kết nối các di tích trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch nhằm khơi gợi hình ảnh không gian trận địa Chi Lăng lịch sử; tạo mối liên kết với các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh khác của tỉnh Lạng Sơn, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch phong phú, hấp dẫn cũng như các mô hình du lịch phù hợp, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và du lịch của tỉnh.

d) Xác định và điều chỉnh các ranh giới bảo vệ di tích làm cơ sở để quản lý, cắm mốc giới di tích, đặt biển chỉ dẫn và bia di tích cho các điểm di tích thành phần; hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khoanh vùng bảo vệ di tích. Tổ chức không gian, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

đ) Làm căn cứ pháp lý cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần về bảo quản, tu bổ phục hồi di tích, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng quy định và giải pháp quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực di tích và các giải pháp quản lý, bảo vệ di tích theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm sự phù hợp với quy hoạch khác có liên quan.

e) Định hướng, xây dựng kế hoạch, lộ trình và các giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, bảo đảm hài hòa với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo mô hình điểm về hợp tác công - tư trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Quy hoạch phân vùng chức năng

a) Các khu chức năng bảo tồn di tích:

- Các di tích còn yếu tố gốc, gồm: Cầu Trạm (cầu Phù Kiêu) và đường Cái Quan, Thành Kho, Đâu Đông Quân và Luỹ Ai.

- Các di tích cảnh quan thiên nhiên là di tích gốc, gồm: Luỹ Ngõ Thê, Núi Ba Đăng, Bãi Đầm, Núi Kỳ Lân, Núi Mã Yên, Núi Phượng Hoàng, Núi Ma Sắn, Núi Quý, Núi Mặt Quỷ và Đồi Chôn Ruột.

- Các di tích chỉ còn là địa điểm, gồm: Thôn Ba Đàn, Vực Boi, Cửa Dinh, Đền Quý Môn, Đền Quán Nàng, Thành Bầu, Lân Giao, Thành Trong, Bãi Hào và Chùa Làng Trung.

b) Các khu chức năng bổ sung phục vụ phát huy giá trị di tích: Khu vực biểu diễn nghệ thuật trung tâm tại Khu vực bảo vệ II của di tích Bãi Đầm và di tích núi Mã Yên. Bãi xe trung tâm, bãi xe điện bố trí rải rác tại nhiều khu vực theo cụm di tích.

c) Các khu chức năng ở hiện trạng: Các hộ dân trong Khu vực bảo vệ I sẽ được giải tỏa, di dời đến địa điểm tái định cư theo kế hoạch, lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các quy hoạch liên quan trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các hộ dân trong khu vực bảo vệ II sẽ nghiên cứu định hướng kết hợp phục vụ du lịch cộng đồng, các hoạt động dịch vụ góp phần phát huy giá trị di tích.

d) Các khu chức năng phục vụ phát triển: Một số khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện có đề xuất phát triển theo quy hoạch nông thôn mới kiểu mẫu hoặc các quy hoạch liên quan với định hướng sẽ là các khu ở mới. Các khu vực có diện tích lớn đề xuất định hướng là khu vực dự trữ phát triển, không xây dựng công trình kiên cố.

đ) Các khu chức năng về hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ: Khu vực trạm biến áp, khu kỹ thuật, khu vệ sinh, khu xử lý nước thải và thu gom rác tạm thời được bố trí khớp nối với quy hoạch chung, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định hướng điều chỉnh, mở rộng hoặc thu hẹp khu vực bảo vệ di tích

a) Đối với Khu vực bảo vệ I: Bảo đảm khoanh vùng đúng và đủ các đối tượng, di tích gốc hoặc các địa điểm liên quan. Phân định rõ ràng ranh giới từng di tích.

b) Đối với Khu vực bảo vệ II: Thực hiện bảo vệ theo thực tế khuôn viên, hạn chế tác động tới các khu vực dân cư hiện có. Thu hẹp diện tích khu vực bảo vệ II, phân định rõ ràng ranh giới khu vực bảo vệ II của từng di tích.

Đối với một số di tích có liên quan đến nhau có thể chung ranh giới khu vực bảo vệ II để thuận lợi cho phát huy giá trị.

(Bảng thống kê điều chỉnh diện tích Khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này)

3. Phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Dựa vào tình trạng bảo tồn, các di tích được phân loại thành các nhóm như sau:

a) Nhóm các di tích còn yếu tố gốc: Cầu Trạm (Cầu Phù Kiều) và Đường Cái Quan, Thành Kho, Đâu Đông Quân và Luỹ Ai. Thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo các phương án:

- Định hướng bảo quản: Các công trình là di tích gốc được giữ nguyên tình trạng như thời điểm được công nhận di tích Quốc gia đặc biệt. Bổ sung đường dạo cảnh quan, điểm dừng chân phục vụ khách tham quan phù hợp với điều kiện địa hình, cảnh quan và môi trường khu vực.

- Định hướng tu bổ: Thực hiện tu bổ Luỹ Ai, đối với một số đoạn luỹ đã bị hỏng, vỡ do thời gian, luỹ đất bị xuống cấp và các khu vực do người dân trồng cây lâu năm lên di tích.

- Định hướng phục hồi di tích: Có kế hoạch phục hồi Luỹ Ai, đối với các đoạn đã bị huỷ hoại hoặc, chỉ còn lại các đoạn di tích gốc rời rạc, dựa trên các tài liệu khoa học đã ghi chép, kết quả thám sát khảo cổ học và phân tích kết cấu di tích; bảo đảm tính nguyên gốc của di tích, nhằm gợi lại một phần ký ức chiến trường xưa.

b) Nhóm các di tích có cảnh quan thiên nhiên là di tích gốc (Luỹ Ngõ Thề, Núi Ba Dăng, Bãi Dầm, Núi Kỳ Lân, Núi Mã Yên, Núi Phụng Hoàng, Núi Ma Sắn, Núi Quý, Núi Mặt Quý và Đồi Chôn Ruột). Bổ sung đường dạo cảnh quan, điểm dừng chân phục vụ khách tham quan phù hợp với điều kiện địa hình, cảnh quan và môi trường khu vực.

c) Các di tích chỉ còn là địa điểm, dấu tích (Thôn Ba Đàn, Vực Bơi, Cửa Dinh, Đền Quý Môn, Đền Quán Nàng, Thành Bầu, Lân Giao và Thành Trong, Bãi Hào và Chùa làng Trung). Thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích như sau:

- Thực hiện nghiên cứu khảo cổ học tại các địa điểm để xác định thêm dấu tích về công trình, làm cơ sở phương án phục hồi các công trình.

- Đối với các khu vực không có dữ liệu về công trình, nghiên cứu tư liệu lịch sử để đề xuất phương án tôn tạo cảnh quan di tích.

4. Quy hoạch tổ chức không gian bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích

a) Nguyên tắc:

- Việc bảo quản, tu bổ và phục hồi các hạng mục, công trình di tích phải dựa trên cơ sở hồ sơ khoa học của di tích, bảo đảm tôn trọng và giữ gìn tối đa các yếu tố gốc, phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng hạng mục di tích; bảo đảm tính toàn vẹn về cấu trúc, tính xác thực về hình thức, vật liệu và yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật.

- Giữ gìn môi trường, cảnh quan tự nhiên của di tích. Chú trọng bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa phi vật thể gắn với di tích.

- Các công trình xây dựng mới nhằm phát huy giá trị di tích phải bảo đảm có quy mô phù hợp với tổng thể không gian bảo vệ của di tích, không làm ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan và các hoạt động của di tích.

b) Định hướng quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Bố trí khu vực điểm nhấn là khu vực biểu diễn nghệ thuật, công nghệ tại Khu vực bảo vệ II của di tích Bãi Đầm và di tích núi Mã Yên.

- Các khu vực đề xuất phát triển mới tuân thủ quy định về không gian: tầng cao xây dựng không vượt quá 05 tầng, mật độ xây dựng đảm bảo các yêu cầu về không gian sinh thái, bền vững.

- Khu vực dân cư hiện có: Thực hiện việc cải tạo chỉnh trang đường giao thông, bổ sung tiện ích công cộng. Thống nhất vật liệu, kích thước, chiều cao hệ thống cổng, hàng rào tạo sự liền mạch trong khu di tích.

- Hệ thống sông, suối, kênh mương thoát nước: Thực hiện việc nạo vét, giải tỏa các khu vực lấn chiếm hành lang bảo vệ. Trồng bổ sung các dải hoa, cây xanh theo mùa để tăng sức hấp dẫn, trải nghiệm cho du khách.

- Các khu vực mộ nằm rải rác được đề xuất khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, bảo đảm vệ sinh môi trường, gìn giữ điểm tâm linh đồng thời tạo cảnh quan xanh, đẹp cho không gian chung.

5. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch

a) Định hướng thị trường khách du lịch: Thị trường khách du lịch đến với di tích gồm khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa; trong đó khách nội địa là thị trường trọng điểm.

b) Đầu tư xây dựng di tích trở thành điểm du lịch có tính chất trung tâm, động lực phát triển của xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kết nối với các khu, điểm du lịch trong tỉnh, vùng và quốc tế. Định hướng các loại hình sản phẩm du lịch chính:

- Du lịch trải nghiệm, học tập lịch sử thông qua hệ thống bảo tàng lịch sử ngoài trời và Bảo tàng Chi Lăng;

- Du lịch tham quan, thư giãn, sinh thái cảnh quan tại công viên lịch sử thông qua các tuyến đi bộ dọc hai bên bờ sông Thương và tuyến đi bộ dọc Lũy Ai Chi Lăng;

- Du lịch trải nghiệm các giá trị lịch sử - văn hoá tại Đền Quan Trấn Ái, Đền Mặt Quỷ, Đền Chi Lăng;

- Du lịch tổng hợp với khu Đền Chi Lăng (Hồ Bãi Hào) và các điểm tham quan du lịch núi Mã Yên, di tích đầm lầy Mã Yên, Lê Tổ Kiếm Thạch - Liễu Thăng Thạch, thành cổ Chi Lăng,...

c) Bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch... tạo thành điểm đến du lịch hấp dẫn phục vụ khách du lịch; Kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể tại các xã trong khu di tích, đề xuất phương án bảo tồn, phát huy giá trị; Tổ chức các lễ hội trên địa bàn xã gắn với các hoạt động liên kết, quảng bá, thu hút khách du lịch, nhất là các lễ hội quy mô lớn.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức về gắn kết di sản văn hóa với phát triển du lịch bền vững ở các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân.

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Tuân thủ theo quy hoạch lộ giới của các tuyến đường đã được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết liên quan (đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ...).

- Giao thông đối nội: Thiết kế phối hợp hài hoà với các công trình và cảnh quan xung quanh, tạo sự liên thông giữa các khu chức năng hình thành các tuyến du lịch, đáp ứng sự đa dạng của các đối tượng khách du lịch, đặc biệt chú ý đến hệ thống biển báo, chỉ dẫn; bảo đảm đấu nối đồng bộ với các tuyến đường theo quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.

- Giao thông tĩnh: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung trong khu vực nghiên cứu, đồng thời tận dụng các vị trí sân bãi trong các di tích.

b) Chuẩn bị kỹ thuật, san nền:

- Cao độ nền khu vực được xác định trên cơ sở cao độ san nền khu vực hiện có (cao độ khu dân cư, làng xóm, các công trình hiện có, các khu vực dự án và khu vực đang triển khai xây dựng); khống chế cao độ nền theo quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết liên quan. San nền, đào đắp cục bộ phục vụ việc tu bổ, tôn tạo di tích, hạn chế làm biến dạng địa hình chung.

- Khu vực san lấp có diện tích lớn là nơi xây dựng điểm, bãi đỗ xe tập trung, sân và đường trục cảnh quan, phù hợp với kiến trúc cảnh quan. Tận dụng địa hình tự nhiên trong khu vực để thoát nước mưa.

c) Cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ trạm Than Muội và các nguồn phù hợp trong khu vực. Mạng lưới đường ống thiết kế dạng mạng vòng kết hợp với mạng nhánh.

- Giải pháp cấp nước chữa cháy: Sử dụng biện pháp chữa cháy áp lực thấp; nước cứu hoả lấy tại các hòng cứu hoả bố trí trên các trục đường chính,

sử dụng ống vôi mềm đầu nối với trụ nước cứu hỏa để chữa cháy, áp lực cột nước tự do đạt tối thiểu 10 m.

- Thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mặt tuân thủ theo quy định hiện hành; Giữ nguyên thoát nước mưa của các tuyến đường hiện trạng. Các tuyến đường cải tạo thì hệ thống thoát nước bố trí hợp lý để đầu nối với hệ thống thoát nước hiện trạng và hệ thống thoát nước quy hoạch mới. Thoát nước tại các điểm, khu di tích đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Thiết kế hệ thống thoát nước riêng giữa nước mưa và nước thải; bảo đảm đầu nối đồng bộ với hệ thống thoát nước chung của khu vực. Nước thải được thu gom sau đó đưa về các trạm xử lý nước thải. Vị trí đặt trạm xử lý ở khu đất hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

- Chất thải rắn được thu gom, phân loại ngay từ nguồn thải và chuyển đến trạm xử lý chất thải tập trung theo quy định của địa phương. Thu gom CTR khu di tích, khu dân cư và các công trình công cộng bằng hệ thống thùng đựng rác trên hè phố. Bố trí các trạm thu gom, trung chuyển trong khu vực di tích bảo đảm vệ sinh, an toàn, phù hợp với không gian cảnh quan chung của khu vực.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Nguồn điện cấp cho khu vực di tích lấy từ trạm biến áp 110/35/22KV Đồng Mô, bảo đảm công suất trạm biến áp phù hợp cho toàn khu vực quy hoạch. Khuyến khích thiết kế ngầm hệ thống lưới điện (trung thế và hạ thế), bảo đảm mỹ quan, an toàn và ổn định trong cung cấp điện. Quy hoạch xây dựng mới 06 trạm biến áp mới hạ thế 35/0,4kV.

- Hệ thống chiếu sáng: Nguồn cấp đèn đường lấy từ tủ phân phối điện hạ áp của trạm biến thế. Mạng lưới chiếu sáng công cộng, chiếu sáng đường dạo, sân vườn được thiết kế trong quá trình lập tổng mặt bằng, bảo đảm mỹ quan.

đ) Thông tin liên lạc:

- Bảo đảm đáp ứng nhu cầu về sử dụng dịch vụ viễn thông của người dân và các cơ quan, đơn vị trong khu vực quy hoạch.

- Mạng thông tin liên lạc được bố trí đi ngầm trong hệ thống cống, bể cáp, đi dưới vỉa hè đường trong khu vực hoặc phía sau lô đất. Phát triển hệ thống mạng không dây bảo đảm khả năng sử dụng mạng Internet tốc độ cao đến người dân và khách du lịch trong khu vực di tích; bảo đảm đầu nối đồng bộ với hệ thống cáp thông tin liên lạc khu vực và với tuyến cáp quốc gia.

7. Dự báo tác động môi trường và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch

- Dự báo: Việc thực hiện quy hoạch sẽ chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất bảo tồn dưới dạng công viên sinh thái có thể ảnh hưởng đến cuộc sống, việc làm của dân cư nông thôn. Đồng thời, việc thực hiện triển khai các dự án về kiến trúc cũng như hạ tầng trong giai đoạn đầu như: nâng cấp mở rộng hệ thống giao thông, hạ ngầm các công trình hạ tầng kỹ thuật, di dời các hộ dân nằm trên khu vực di tích tường thành và nạo vét hào nước sẽ gây ô nhiễm không khí, đất, nước, tạo nên tiếng ồn và độ chấn động cho khu vực.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường: Triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý môi trường; quản lý việc sử dụng nguồn nước khu vực dự án; quản lý nguồn nước thải phát sinh trong khu vực; quản lý chất thải rắn phát sinh trong khu vực; quản lý các nguồn gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn trong khu vực; quản lý môi trường đất và hệ sinh thái.

- Các giải pháp công nghệ giảm thiểu ô nhiễm: Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí; xử lý nước thải khu dân cư và nước thải các khu chức năng trong khu vực; giải pháp quản lý chất thải rắn.

8. Nhóm dự án thành phần và phân kỳ đầu tư

a) Các nhóm dự án thành phần: Nhóm dự án cắm mốc giới di tích, giải phóng mặt bằng (DA01); Nhóm dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (DA02); Nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật (DA03); Nhóm dự án nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học (DA04).

b) Phân kỳ đầu tư và thứ tự ưu tiên đầu tư:

- Thời gian thực hiện quy hoạch: Từ năm 2025 đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:

+ Giai đoạn 1: từ năm 2026 đến năm 2030: Hoàn thành xác định cắm mốc, vị trí ranh giới, đặt tên biển chỉ dẫn và giá trị di tích cho 24 điểm di tích. Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khoanh vùng bảo vệ di tích để Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn; Trùng tu, tôn tạo Đền Quỷ môn (Đền Quan Trấn Ái), Luỹ Ai Chi Lãng, Núi Quỷ; sửa chữa, nâng cấp Nhà Trưng Bày chiến thắng Chi Lăng.

+ Giai đoạn 2: từ năm 2031 đến năm 2050: Trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các điểm di tích còn lại... tạo thành tuyến du lịch tham quan di tích hoàn chỉnh theo quy hoạch.

- Dự án ưu tiên đầu tư theo giai đoạn: Đầu tư bảo quản, tu bổ các di tích gốc; đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, bãi đỗ xe,...; đầu tư xây dựng các công trình chức năng chủ chốt như trung tâm thông tin, dịch vụ và các công trình tạo sức hút, tăng sức hấp dẫn cho khách du lịch, công

trình thương mại, dịch vụ...; các công trình tạo điều kiện để khách du lịch lưu trú và nghỉ ngơi.

+ Thứ tự, mức độ ưu tiên đầu tư hằng năm có thể được điều chỉnh, bổ sung căn cứ yêu cầu thực tế về bảo tồn và phát huy giá trị di tích, khả năng huy động vốn, khả năng cân đối vốn và nguồn vốn cấp theo kế hoạch của Trung ương và địa phương;

+ Trên cơ sở các nhóm dự án thành phần, xác định các dự án có tính chất động lực để ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư. Kinh phí thực hiện được xác định cụ thể theo tổng mức đầu tư của từng dự án, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ; bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về di sản văn hóa, đầu tư, xây dựng, đầu tư công, ngân sách nhà nước, đất đai và pháp luật có liên quan;

+ Việc triển khai thực hiện đầu tư theo các nhóm dự án thành phần thuộc quy hoạch được thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định (từ việc trình phê duyệt chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư và tổ chức, triển khai thực hiện dự án).

c) Nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch: Bao gồm vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước, trong đó:

- Ngân sách trung ương: được bố trí căn cứ vào nội dung dự án đầu tư và khả năng cân đối của ngân sách Trung ương hằng năm, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

- Ngân sách địa phương: (ngân sách cấp tỉnh, xã có di tích liên quan trong phạm vi Quy hoạch này); vốn sự nghiệp dành cho các công tác nghiệp vụ như tuyên truyền, phổ biến các nội dung quy hoạch; sưu tầm, bổ sung tài liệu, hiện vật; bảo tồn, tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, các không gian văn hoá.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: từ hoạt động du lịch, huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước, của Nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Giải pháp, cơ chế thực hiện quy hoạch di tích:

a) Giải pháp quản lý:

- Quản lý hoạt động xây dựng, sử dụng công trình theo đúng phân vùng quy hoạch và quy hoạch được duyệt; phối hợp liên ngành để khai thác có hiệu quả giá trị của di tích gắn với phát triển công nghiệp văn hóa ở địa phương.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực của đơn vị được giao quản lý di tích. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo vệ, phát huy giá trị của di tích.

b) Giải pháp đầu tư:

- Các dự án liên quan đến các hạng mục gốc cấu thành di tích, hệ thống công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, các hạng mục, công trình phục vụ quảng bá phát huy giá trị di tích sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Huy động các nguồn vốn xã hội hóa theo mô hình “hợp tác công - tư” để bảo tồn, tôn tạo và phát triển du lịch tại khu di tích. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút các nguồn lực xã hội.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học công nghệ:

- Tăng cường, bổ sung thêm nguồn nhân lực; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch tại địa phương;

- Ứng dụng một số vật liệu mới trong các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Thực hiện “số hóa” di tích để tạo lập cơ sở dữ liệu phục vụ việc lưu trữ, nghiên cứu, quản lý và cung cấp thông tin trên môi trường mạng.

d) Giải pháp về huy động sự tham gia của cộng đồng

- Phát huy mối liên kết giữa người dân, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý có liên quan tạo sự thống nhất trong việc tổ chức triển khai bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch.

- Kết nối cộng đồng dân cư trong khu vực di tích và vùng lân cận với các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di tích và trực tiếp tham gia vào các hoạt động du lịch. Khuyến khích người dân tham gia vào lập kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di tích phù hợp với yêu cầu, năng lực và quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh hợp tác với cơ quan giáo dục về bảo tồn di tích. Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ môi trường và tham gia bảo tồn, phát huy giá trị di tích; vận động Nhân dân địa phương tích cực tham gia tuyên truyền, quảng bá các giá trị di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

a) Chịu trách nhiệm toàn diện đối với đề xuất về phạm vi, quy mô, ranh giới quy hoạch; về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ,

ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; về hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về quy hoạch và quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không hợp pháp hóa các sai phạm (nếu có); chỉ đạo việc quản lý, sử dụng đất trong phạm vi khu vực quy hoạch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền; tuyệt đối không để xảy ra các chông chéo, tranh chấp, khiếu kiện cũng như thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm khi thực hiện các hoạt động, dự án đầu tư, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chi Lăng (thuyết minh, bản đồ, quy định quản lý...) bảo đảm thống nhất, đúng Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; lưu giữ và lưu trữ hồ sơ quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật liên quan.

c) Tổ chức công bố công khai Quy hoạch bằng các hình thức phù hợp, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Tiến hành rà soát, đối chiếu, xác định chính xác, cập nhật điều chỉnh và cắm mốc ranh giới khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích trên bản đồ và trên thực địa (theo mốc giới xác định trong quy hoạch); cập nhật ranh giới, diện tích Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chi Lăng vào Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích và phương án sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh (phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch). Xây dựng lộ trình, triển khai kế hoạch bảo vệ và thực hiện các dự án thành phần bảo tồn, tu bổ, tôn tạo hoặc xây dựng mới phù hợp với điều kiện thực tế về kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Phê duyệt các nhóm dự án thành phần trên cơ sở Quy hoạch được duyệt. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định, quyết định đầu tư các nhóm dự án thành phần theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với nguồn kinh phí đầu tư trên cơ sở đề án quy hoạch được phê duyệt. Thực hiện quản lý hoạt động bảo tồn, đầu tư, xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

đ) Chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương; tổ chức tuyên truyền, vận động và huy động nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện Quy hoạch.

e) Chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường vùng di tích và các khu vực phụ cận bên ngoài vùng di tích; tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, bổ sung tài liệu, cứ liệu khoa học về lịch sử, văn hóa, địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học khu vực di tích; giáo dục tinh thần tự giác chấp hành tốt các quy định về quy hoạch và quản lý quy hoạch, về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa, về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

g) Thực hiện đầu tư xây dựng trong phạm vi bảo vệ của di tích trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Quy hoạch được phê duyệt tại quyết định này và các quy hoạch có liên quan trên địa bàn được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng.

2. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định hồ sơ Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; chịu trách nhiệm về nội dung số liệu báo cáo, đề xuất kiến nghị tại Tờ trình số 232/TTr-BVHTTDL ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Tờ trình số 524/TTr-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2025.

b) Lưu giữ và lưu trữ hồ sơ quy hoạch được duyệt; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử Chi Lăng bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung và đúng kế hoạch được phê duyệt; tuân thủ theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật liên quan.

c) Tổ chức thẩm định nội dung chuyên môn đối với các dự án thành phần liên quan đến bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các dự án thành phần thuộc di tích Di tích lịch sử Chi Lăng thuộc nội dung quy hoạch được duyệt.

d) Phối hợp, hướng dẫn việc kết nối tuyến du lịch gắn Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chi Lăng trên hành trình du lịch kết nối các điểm di tích, di sản thế giới của vùng Đông Bắc, góp phần phát huy hiệu quả giá trị của di tích.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xem xét tổng hợp chung các dự án bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đề xuất của Tỉnh theo đúng quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; kiểm tra việc thực hiện theo thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Kiểm tra việc thực hiện quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai; hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cập nhật ranh giới diện tích quy hoạch vào phương án sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn (phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng), phù hợp với thời kỳ quy hoạch.

5. Các Bộ, ngành, cơ quan trung ương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn triển khai thực hiện Quy hoạch theo lĩnh vực ngành quản lý, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục DSVH, Cục DLQG Việt Nam (Bộ VH-TT-DL);
- Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Thư ký PTTg Mai Văn Chính, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, CN, NN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX(3b).



KI THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Mai Văn Chính



Phụ lục I

**QUY ĐỊNH VỀ RANH GIỚI CÁC CỤM ĐIỂM DI TÍCH THUỘC
DI TÍCH LỊCH SỬ QUỐC GIA ĐẶC BIỆT CHI LĂNG**

*Kèm theo Quyết định số 136 /QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	DI TÍCH	Khu vực bảo vệ (ha)		RANH GIỚI
		I	II	
1	I.1 Thôn Ba đàn	0,20	0,25	Phía Bắc giáp dân cư hiện hữu, phía Nam dân cư hiện hữu; phía Đông giáp ĐT.234, phía Tây giáp núi đá
2	I.2 Lũy Ngõ thè	0,01	0,07	Phía Bắc giáp dân cư hiện hữu, phía Nam giáp đường bê tông thôn; phía Đông giáp dân cư hiện hữu, phía Tây giáp hành lang cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn
3	I.3 Núi Ba đấng	2,53	1,47	Phía Bắc giáp đường bê tông thôn, phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Đông giáp dân cư hiện hữu, phía Tây giáp đường bê tông thôn
4	I.4 Cầu trạm & Đường Cái quan	0,10	0,77	Phía Bắc giáp sông Thương, phía Nam giáp sông Thương; phía Đông giáp đền quán năng, phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp và dân cư hiện hữu
5	I.5 Đền Quán năng	0,26	0,37	Phía Bắc giáp nền đường cái quan, phía Nam giáp quốc lộ 1; phía Đông giáp đường giao thông và dân cư hiện hữu, phía Tây giáp sông Thương và cầu trạm
6	I.6 Thành kho + I.7 Vực bơi	8,54	3,57	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp và dân cư hiện hữu dọc tuyến đường tỉnh 234, phía Nam giáp sông Thương; phía Đông giáp sông Thương, phía Tây giáp dân cư hiện hữu dọc tuyến đường tỉnh 234
7	I.8 Cửa Dinh	0,081		Phía Bắc giáp khu vực bảo vệ II của núi Kỳ Lân, phía Tây và Nam giáp đường giao thông hiện hữu; phía Đông giáp quốc lộ 1
8	I.9 Núi Mã Yên	1,41		Phía Bắc giáp khu vực bảo vệ I và khu vực phát huy giá trị của của Bãi Đầm; phía Nam giáp khu vực bảo vệ II của của Bãi Đầm; phía Đông giáp đường sắt Bắc-Nam, phía Tây giáp đường giao thông hiện hữu

TT	DI TÍCH	Khu vực bảo vệ (ha)		RANH GIỚI
		I	II	
9	I.10 Bãi đầm	3,66	10,32	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp và đường giao thông hiện hữu; phía Nam giáp đường giao thông hiện hữu và đường sắt Bắc-Nam, phía Đông giáp đường sắt Bắc-Nam, phía Tây giáp đường giao thông hiện hữu
10	I.11 Núi Kỳ lân	3,05	1,78	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Nam giáp đường giao thông hiện hữu; phía Đông giáp đường quốc lộ 1 và dân cư hiện hữu, phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp và dân cư hiện hữu
11	I.12 Lân giao	0,04	0,13	Phía Bắc, Nam và Tây giáp đất quốc phòng an ninh; phía Đông giáp đường giao thông hiện hữu
12	I.13 Thành bầu	0,11	0,14	Phía Bắc giáp dân cư hiện hữu; phía Nam giáp đường giao thông hiện hữu; phía Đông giáp dân cư hiện hữu, phía Tây giáp dân cư hiện hữu
13	I.14 Núi Ma sắn	1,43	2,61	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Đông giáp đường cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn, phía Tây giáp đường cao tốc Hà Nội-Lạng Sơn
14	I.15 Núi Phượng hoàng	11,88	7,31	Phía Bắc giáp dân cư hiện hữu và quốc lộ 1; phía Nam giáp đường sắt Bắc-Nam; phía Đông giáp đường giao thông và dân cư hiện hữu, phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp
15	I.16 Bãi hào	0,27	1,66	Phía Bắc giáp núi quý; phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp và dân cư hiện hữu; phía Đông giáp dân cư hiện hữu, phía Tây giáp lũy ải
16	I.17 Đền Quý môn	0,02	0,21	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Nam giáp dân cư hiện hữu; phía Đông giáp đường giao thông hiện trạng, phía Tây giáp giao thông hiện trạng
17	I.18 Đấu Đông quân	0,05	1,36	Phía Bắc giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Nam giáp dân cư hiện hữu; phía Đông giáp đường giao thông hiện trạng, phía Tây giáp giao thông hiện trạng

TT	DI TÍCH	Khu vực bảo vệ (ha)		RANH GIỚI
		I	II	
18	I.19 Thành trong	0,065	0,10	Phía Bắc giáp đường tỉnh 234; phía Nam giáp sông Thương; phía Đông giáp sông Thương và Ải Chi Lăng, phía Tây giáp dân cư hiện hữu
19	I.20 Núi Mặt quỷ	24,57	48,48	Phía Bắc giáp núi đá Cai Kinh; phía Nam giáp dân cư hiện hữu và đường tỉnh 234; phía Đông và Tây giáp núi đá Cai Kinh
20	I.21 Lũy ải Chi Lăng	1,02	1,04	Phía Bắc giáp đường tỉnh 234; phía Nam giáp sông Thương; phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Tây giáp Thành kho
21	I.22 Núi quỷ	29,67	7,70	Phía Bắc giáp đường hiện trạng và dân cư hiện hữu; phía Nam giáp quốc lộ 1; phía Đông giáp đường sắt Bắc-Nam; phía Tây giáp dân cư hiện hữu
22	I.23 Đình chùa Làng Tung	0,21	5,32	Phía Bắc giáp suối hiện hữu; phía Nam giáp suối hiện hữu; phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Tây giáp đường giao thông hiện trạng
23	I.24 Đồi Chôn ruột	9,26	5,67	Phía Bắc giáp quốc lộ 1; phía Nam giáp suối hiện hữu; phía Đông giáp đất sản xuất nông nghiệp; phía Tây giáp quốc lộ 1 và đất sản xuất nông nghiệp
24	II. Đền thờ Chi Lăng	1,91	3,10	Phía Bắc giáp mặt nước hồ hiện trạng; phía Nam, Đông, Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp



Phụ lục II

DI TÍCH KHU VỰC BẢO VỆ I VÀ II CÁC ĐIỂM DI TÍCH THUỘC DI TÍCH LỊCH SỬ QUỐC GIA ĐẶC BIỆT CHI LĂNG

*Kèm theo Quyết định số 136 /QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	DI TÍCH	Khu vực bảo vệ I (ha)		Khu vực bảo vệ II (ha)	
		Dự kiến	Điều chỉnh	Dự kiến	Điều chỉnh
1	I.1 Thôn Ba đàn	0,40	0,20	1,32	0,25
2	I.2 Lũy Ngõ thề	0,02	0,01	0	0,07
3	I.3 Núi Ba đấng	2,53	2,53	0	1,47
4	I.4 Cầu trạm & Đường Cái quan	0,01	0,10	0	0,77
5	I.5 Đền Quán nằng	1,57	0,26	0	0,37
6	I.6 Thành kho + I.7 Vực bơi	8,41	8,54	3,10	3,57
7	I.8 Cửa Dinh	0	0,081	0	-
8	I.9 Núi Mã Yên	0	1,41	0	-
9	I.10 Bãi dầm	5,40	3,66	0	10,32
10	I.11 Núi Kỳ lân	3,64	3,05	0	1,78
11	I.12 Lân giao	0	0,04	7,26	0,13
12	I.13 Thành bầu	5,05	0,11	27,46	0,14
13	I.14 Núi Ma sẵn	1,45	1,43	0	2,61
14	I.15 Núi Phụng hoàng	12,98	11,88	14,35	7,31
15	I.16 Bãi hào	0,88	0,27	0	1,66
16	I.17 Đền Quý môn	0,31	0,02	0	0,21
17	I.18 Đấu Đông quân	1,42	0,05	0	1,36
18	I.19 Thành trong	0,17	0,065	0	0,10
19	I.20 Núi Mặt quý	25,25	24,57	0	48,48
20	I.21 Lũy ải Chi Lăng	0,01	1,02	0	1,04
21	I.22 Núi quý	30,02	29,67	76,61	7,70
22	I.23 Đình chùa Làng Tung	3,17	0,21	0	5,32
23	I.24 Đồi Chôn ruột	9,76	9,26	21,27	5,67
25	II. Đền thờ Chi Lăng	5,00	1,91	0	3,10



Phụ lục III

DANH MỤC NHÓM CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)

1. Các điểm di tích còn yếu tố gốc:

TT	Di tích Quốc gia đặc biệt	Nội dung, mức độ bảo tồn	Nhóm dự án
I.4	Cầu Trạm (cầu Phù Kiều) và đường cái quan		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Mố cầu gốc	Bảo quản, tu bổ	DA02
2	Đường cái quan gốc	Bảo quản, tu bổ	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
4	Cầu Trạm (cầu Phù Kiều)	Phục dựng	DA02
5	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
6	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
7	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
8	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.6	Thành kho		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Sân Thành Kho và các đoạn tường thành gốc	Bảo quản, tu bổ	DA02
2	Đàn tế	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
5	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04

I.21	Luỹ ải		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Luỹ ải	Tu bổ, tôn tạo	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.18	Đầu đong quân		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Đầu đong quân gốc	Bảo quản, tu bổ	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
2	Sân tập trung	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04

2. Các di tích cảnh quan thiên nhiên là yếu tố gốc:

TT	Di tích Quốc gia đặc biệt	Nội dung, mức độ bảo tồn	Nhóm dự án
I.2	Luỹ ngỗ thề		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Biểu tượng di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Mô phỏng, phục dựng	DA02

4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.3	Núi Ba Đăng		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi Ba Đăng	Bảo tồn	DA02
1	Đài quan sát	Phục dựng	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
4	Nhà tiếp đón	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Nhà vệ sinh	Xây mới theo quy hoạch	DA02
6	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
7	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
8	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
9	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.9 I.10	Núi Mã Yên + Bãi đầm		
	Khu vực bảo vệ I Núi Mã Yên		
1	Khu vực núi Mã Yên	Bảo tồn	DA02
2	Nhà tiếp đón	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ I Bãi đầm		
1	Điểm tái hiện tiêu diệt Liễu Thăng	Mô phỏng, phục dựng	DA02
2	Cầu gỗ mô phỏng	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Khu vực kết nối	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Cảnh quan	Xây mới theo quy hoạch	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
5	Nhà trung tâm	Xây mới theo quy hoạch	DA02

6	Khu biểu diễn nghệ thuật thực cảnh	Xây mới theo quy hoạch	DA02
7	Chòi nghỉ quan sát	Xây mới theo quy hoạch	DA02
8	Khu vệ sinh + phụ trợ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
9	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
10	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
11	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
12	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.11	Núi Kỳ Lân		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi Kỳ Lân	Bảo tồn	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Chòi nghỉ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.14	Núi Ma Sắn		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi Ma Sắn	Bảo tồn	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.15	Núi Phụng Hoàng		

	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi Phụng Hoàng	Bảo tồn	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Nhà tiếp đón + vệ sinh	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Tôn tạo	DA03
	Các hạng mục khác		
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.20	Núi mặt Quý		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi mặt Quý	Bảo tồn	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Tôn tạo	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.22	Núi Quý		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Khu vực núi Quý	Bảo tồn	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Chòi nghỉ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Nhà phụ trợ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
6	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
7	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
8	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04

I.24	Đồi Chôn Ruột		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Miếu thờ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Nhà phụ trợ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
☐	Các hạng mục khác	☐	
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04

3. Các di tích chỉ còn là địa điểm:

TT	Di tích Quốc gia đặc biệt	Nội dung, mức độ bảo tồn	Nhóm dự án
I.1	Thôn Ba Đàn		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Biểu tượng điểm di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.7	Vực bơi		
1	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
I.8	Cửa đình		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Biểu tượng điểm di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Xây mới theo quy hoạch	DA02

	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.13	Thành bầu		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Biểu tượng điểm di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.16	Bãi hào		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
2	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.5	Đền quán nàng		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Đền xây dựng mới	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Đền cũ	Bảo quản, tu bổ	DA02
3	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02

	Khu vực bảo vệ II		
4	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
6	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
7	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.17	Đền quỳnh môn		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Tiền bái, hậu cung	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Nhà vệ sinh	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Nhà bia	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Tả hữu vu		DA02
6	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
7	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
8	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
9	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.19	Thành trong		
	Khu vực bảo vệ I		
1	Biểu tượng di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
3	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
5	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
6	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04
I.23	Đình - Chùa làng Trung		

	Khu vực bảo vệ I		
1	Đình	Phục dựng	DA02
2	Tả hữu vu Đình	Phục dựng	DA02
3	Chùa	Phục dựng	DA02
4	Tả hữu vu Chùa	Phục dựng	DA02
5	Cảnh quan	Tôn tạo	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
6	Nhà bếp + vệ sinh	Xây mới theo quy hoạch	DA02
7	Chòi nghỉ	Xây mới theo quy hoạch	DA02
8	Biển báo di tích	Xây mới theo quy hoạch	DA02
9	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
10	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
11	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04

4. Khu vực Đền Chi Lăng

TT	Di tích Quốc gia đặc biệt	Nội dung, mức độ bảo tồn	Nhóm dự án
	Khu vực bảo vệ I		
1	Nghi môn ngoại	Xây mới theo quy hoạch	DA02
2	Nghi môn nội	Xây mới theo quy hoạch	DA02
3	Lầu bia	Xây mới theo quy hoạch	DA02
4	Tiền bái, Trung cung, Hậu cung	Xây mới theo quy hoạch	DA02
5	Cảnh quan	Xây mới theo quy hoạch	DA02
	Khu vực bảo vệ II		
6	Hạ tầng kỹ thuật (cây xanh cảnh quan, bãi gửi xe cấp điện, cấp thoát nước, PCCC,...)	Xây mới theo quy hoạch	DA03
	Các hạng mục khác		
10	Cắm mốc GPMB	Tạm tính	DA01
11	Nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, khảo cổ học, công nghệ	Tạm tính	DA04